



Paris ngày mùng 1 tháng 12 năm 1994

Thân gửi Bác NGUYỄN ĐỨC HIỀN ở Hà Nội

Thư BÁC

Tôi xin lỗi đã vô-tình đáp chậm các thư của Bác. Tuổi già nên lẩn-thẩn, sơ-dàng, chậm-chạp, đó là nguyên-nhân chính, Đối với bản thảo của Bác kể chuyện về tôi, thì còn có khác. Người giao sách cho tôi chỉ cho biết đó là sách tặng bởi em tôi. Thấy đề-mục ở bìa, tôi khá bực mình, vì thường sợ các bạn quá yêu, đến nỗi phê-bình mình quá đáng. Tôi đã ngần-ngại chưa dám mở ra đọc. Nay, có người nhà cho biết rằng Bác giục tôi cho biết bản-ý về cáo ấy. Tôi vội đọc: mỗi hay rằng có một bức thư dài của Bác ở cuối cáo, nhắn lời Bác TÔ khuyên tôi về nước trò chuyện cùng các bác. Tôi xin lần-lượt đáp thư Bác và tỏ ý về nội-dung bản cáo sách Bác.

1*/ Trước hết, tôi ngỏ lời cảm ơn tấm thịnh-d tình của Bác TÔ và của Bác đối với bản-thân tôi. Chúng ta là những kẻ "một hội một thuyền" ân-thu vận nước trong sáu bảy mươi năm nay. Không cần đàm-đạo lâu-dài cũng thấu lòng cảm-nghĩ. Các Bác đã đứng mũi chịu sào, "biết mấy phen gian-khổ mới có ngày nay", thành-quả nước-nhà độc-lập và thống-nhất là điểm trọng. Còn tôi cảnh-ngộ tuy khác, nhưng đã cố gắng giữ tấm trung-kiên để dự-bị phòng khi giúp ích, và nhất là trù-tính tương-lai dân-tộc vững-chắc giữa thế-giới hoà-bình. Cảm-nghĩ của tôi đã có nhịp thổ-lộ trong đoạn-biên *Một vài kí-vãng về Hội-ngữ Đa-lạt* và sau đó trong hơn mười bài *Khai-bút* từ năm 1975. Trong buổi hoà-bình như ngày nay, tình-cảm dường dày hơn lí-trí. Tôi được biết rằng các Bác cũng tổn-thất nhiều trong tình-ái gia-đình vì chiến-tranh: tôi rất thông-cảm. Tôi cũng vậy. Có lúc muốn về nước một mình, nhưng vợ chồng nay gần đất xa trời, chia cày sẻ ngọt trong hơn sáu chục năm, tôi không muốn mạo sự vô-tình mà vĩnh-biệt. Nay thì tuổi già, bệnh tật, sức yếu, trí mờ. Sợ không thể còn thấy lại quê-hương. Và đối với riêng tôi, cái thực-chất của hai chữ *QUÊ HƯƠNG*, thân đời đã không còn nữa! Thế ấy, nhưng đối với xứ-sở, tôi không bao-giờ quên. Cách mấy năm nay, một bạn vong-niên người Nghệ-an tôi từ-biệt để về quê. Tôi rất thêm cảnh-huống ấy, bên tặng bạn mấy câu sau:

Đã hay bốn bề là nhà
 Lam Hồng ta mới thật là quê hương
 Trải bao cuộc biến cuộc thường
 Mà lòng tưởng nhớ yêu đương vẫn tròn
 Gửi lời nhắn Nước cùng Non
 Ngày nay Nước cạn Non mòn.....tại ta

Xem đó Bác đủ rõ rằng đối với những mảnh đất nhà, mà tôi đã từng gắn thân, như đất Thanh, Nghệ, Tĩnh, tình tôi sao dứt được.

2*/ Vì cảnh-ngộ, tôi không được dự phần giải-phóng đất nước, tôi bèn gắng công giải-phóng tri-thức và văn-hoá đồng-bào ra khỏi cái khuôn chật-hẹp, uon-nèn của con người bị ràng-buộc. Thời Pháp-thuộc, tôi đã dự-bị nền Trung và Đại-học tương-lai bằng cách lập phương-pháp và khởi-công đặt *Danh từ Khoa-học*.

Sau khi cuộc kháng-chiến giải-phóng bắt đầu, thấy những người ở vùng Pháp trị không nhận-thức đúng giá-trị người kháng-chiến, tôi đã soạn sách *Hà-pháp trị không nhận-thức đúng giá-trị người kháng-chiến*, tôi đã soạn sách *Hà-thành Thất-thủ (1950)*, dự xuất *Đại Nam Quốc sử diễn ca (1949)*, trước-tác *Lý Thường Kiệt (1949)*. Thấy các trường thực-dân mở trở lại, tôi sợ các lối cũ viết sử và dạy sử lại được dùng, tôi bèn tìm cách in ra những sách *La-sơn Phu-tử* và *Lý Thường Kiệt* và sau này nhiều bài đăng trong *Tạp-san sử địa* ở Sài-gòn và *Tạp chí Khoa học Xã hội* ở Paris. Muốn mở cho các học-giả sau ngày giải-phóng một ngành khoa-học đặc-thù và có tầm quốc-tế, tôi đã nghiên-cứu *Chữ Nôm* và tái-lập các áng văn Việt xưa, chưa phổ-biến. Những sách *Thi Văn Việt nam (1950)* và *Chinh phụ ngâm bị khảo*, vân vân, thuộc về loại ấy. Trong lúc gắng bảo-tồn cổ-văn, tôi chú-ý nhiều về các văn-bản cũ, và nêu sự yêu-ớt về ngành văn-học-sử của các nhà giảng dạy về văn. Tôi những ước được đi tìm những văn-bản cũ.

Mùa xuân năm 1951, viên "Tổng-trấn Bắc-kì", một quan-lai cũ (Nguyễn Hữu-Trí), quen biết, cho tôi hay rằng kẻ sắp thay chân y, có ý bắt tôi, và y cấp cho tôi thông-hành để đi lánh. Vì sự ấy, tôi sang Âu-châu, được tại nguyện đi tìm Việt-ngữ xưa trong những văn-bản còn tồn-tại trong các thư-viện. Vì lẽ tôi đã chuyên cứu chữ nôm, *Thư-viện quốc lập* Pháp đã nhờ tôi làm thư-mục cho một mở bản cảo cũ tích-trữ đã hơn trăm năm. Tôi được nhip khám-phá ra chừng hai mươi bản viết chữ nôm soạn vào khoảng đầu công-kỷ thứ 17. Ấy là một phân tác-phẩm của giáo-sĩ dòng Tên (Jésuites) người Ý, kí tên *Chilōnima Maiēdica* (Girolamo Maiorica), bạn đương với A. De Rhodes, vào Đàng Trong giảng đạo trong 5 năm: bị trục-xuất, rồi lên vào xứ Nghệ năm 1631, giảng đạo ở Trấn-dinh, làng Triều-khẩu (sông Rum). Trong khoảng 1634-1642, y soạn nhiều sách về từ



các thánh đạo Da-tô bằng Việt-ngữ. Các phẩm ấy được những đồ-dệ còn tên tuổi đến ngày nay chép lại bằng chữ Nôm (*Archivum Historicum S.I. XXII -1953*). Sau đó, tôi được đọc nhiều văn-bản Việt-ngữ xưa, ở hội-sở Truyền-giáo Pháp, hoặc bằng chữ Hán, chữ nôm, hoặc bằng chữ la-tinh (chưa được xuất). Năm 1954, tôi sang thành Rô-ma, được vào xem thư-viện *Dòng Tên* và đọc những văn-bản Việt-ngữ nay còn tại đó. Ngoài một bản nôm, tôi đã được biết nhiều giáo-đồ Việt từ đầu đã dùng rất sành-sôi chữ "quốc-ngữ" mới; và phát-giác rằng một người Việt đương-thời, Bênitô Thiện đã soạn một đoàn-biên khá dài, lược chép sử-kí, địa-dư và phong-tục nước ta, biên bằng "quốc-ngữ", rồi gửi cho giáo-sĩ Philippe Marino, người Ý để y soạn sách *Tường thuật mới và lạ về các vương-quốc Đông-kinh và Lào*. Sách được dịch ra Pháp-ngữ năm 1666 (*Tạp-chí Đại-học Huế* 1950). Sau đó, Thư-viện VATICAN giao cho tôi xét và soạn thư-mục một số sách "Đông-phương". Tôi được dịp khám-phá ra những tác-phẩm của một học-giả Việt, theo đạo Da-tô, bị cầm-giữ lại tại nước Bồ-đào-nha vào đầu thế-kỉ 19. Tên học-giả ấy là Philiphê Bình quê vùng Thái-bình, nghề "thầy giảng" đạo Da-tô, được dân có đạo bầu cùng chừng mười người đồng-đạo, vào cuối đời Tây-sơn, đáp tàu buôn Âu-châu, định đi Roma xin Giáo-hoàng cho phép dòng Tên trở lại xứ mình (bấy giờ dòng ấy bị cấm tại Đông-Á bởi Giáo-hoàng) Nhưng đến nơi thì Giáo-hoàng đã bị Napoléon bắt đày tại Avignon. Trên đường về nước, P. Bình và tất cả bầu-bạn đều bị vua Bồ-đào-nha bắt giữ ở lại trong một viện tu cho đến lúc tất cả đoàn mất hết (sau 1822). Trong lúc bị giam lỏng, chắc P. Bình giữ trách-nhiệm cầm đầu. Y để lại tài-liệu, cáo-bản rất nhiều. Một phần được đưa về thư-viện Vatican. Tôi đã thấy nhiều quyển sách "giấy học trò", viết chữ "quốc-ngữ" rất đẹp, ghi chép rất tỉ-mỉ, các sự trong đời sống hàng ngày, những chuyện trông thấy trong lúc đi đường, những chuyện về đời các thánh đạo, các chuyện tu-đạo vân vân. Li-thư là có một tập thơ thất-ngôn Đường-luật, vừa nôm vừa Hán, mà tác-giả đã tùy hứng soạn; trong đó có tả hải-đảo Saint Hélène trước khi Napoléon bị đày ra đó, và bài thoả-mạ Napoléon đã bắt giam Giáo-hoàng Pie VII.

Trong lúc ấy, hội-ngữ Geneve nhóm-hợp. Muốn tránh mọi sự liềm-phóng đông-tây, tôi đã thực-dụng chữ nôm để thông-tin với phái-đoàn ta do bác Tô điều-khiển. Được cả hai bên khuyến-khích, tôi đành bỏ dở cuộc tìm văn-bản cũ, mà đi gặp các bạn cũ nhiều lần, rồi nhân ý sẽ về Nam để nối-liên Nam Bắc. Nhưng sự chẳng tùy lòng. Những li-tướng chính-trị thế-giới tương-tranh liên-dây vô-mảnh đất nước ta, đã khiến tôi phải tìm con đường xử-thế khác. Năm 1956, tôi tìm học nghệ-môn mới: kĩ-sư *Năng-lương nguyên-sử*; rồi nhận giúp việc cho một số tư. Về phần này, cũng như trong nhiều phần khác, việc tôi làm không có gì can-trọng lớn



như Bác có thể tưởng-tượng. Lúc bấy giờ, Pháp còn chỉ muốn dùng, trong kế-hoạch lò nguyên-tử, chất Uranium thiên-nhiên, để khởi phụ-tùng Hoa-kì. Trong trường-hợp ấy, tôi có tìm được một chương-trình đặc-thù để tính năng-lượng của một lò nguyên-tử và sự biến-chuyển của nó với thời-gian (tạp-chí Industries atomiques số 5 - 8 Genève-Paris). Điện-cục Pháp có dùng chương-trình ấy để thích-nghi-hóa các lò. Nhưng sau đó, Pháp phải theo tuyến Uranium tăng-cường, cho nên chương-trình kia chỉ còn tính-cách toán-học ứng-dụng. Sau đó, trong bốn mươi năm, tôi không có đủ mọi phương-tiện đi lũng các văn-bản Việt-ngữ nữa mà cũng không có đảm-trách để phát-biểu đầy-đủ dễ-dàng. Tôi chỉ kê-cứu những tài-liệu sẵn có, và khuếch-trương những ý-kiến từng quen. Cho xuất-bản *Bích-câu kí-ngộ*, *Hoàng-hậu Ý-lan*, *văn các tổ Trúc-lâm*, *Thiên-tông bản-hạnh*, *thần-thế Hồ Xuân-Hương*, những chuyện *tiếp sứ Thanh* đời Lê, *Lê Quý-Đôn đi sứ Thanh*, *Lê Quỳnh giữ tóc ngôi tù ở Bắc-kinh*, những *lời thề của Lê Lợi*, nhóm *chống Tây-sơn*, *Nguyễn Công-Trứ về hưu*, những *văn nôm Phật-giáo*, *văn vân*; và *Lịch và lịch Việt-nam*, một công-cụ cần cho những nhà nghiên-cứu Việt-sử. Đó là công-tác của người ẩn-dật. Còn các Bác, theo dấu Cụ Hồ đã hành-động và đem đến sự độc-lập và thống-nhất đất nước. Lấy tư-cách sử-học mà ngẫm-nghi thì suốt khoảng sinh-đồn tổ-quốc, từ xưa, chỉ có hai cuộc khá tương-đương. Trưng Trắc giải-phóng khỏi Hán-thuộc nhưng liền bị bại. Ngô Quyền chỉ ngăn được kẻ ngoại-xâm, cũng như Lê Hoàn, Lí Thường-Kiệt, Trần Hưng-Đạo, Nguyễn Huệ đời sau. Lê Lợi mới thật có công phá xiềng Minh-thuộc, nhưng quyền Minh bám chưa sâu và vũ-khí đang thời khá ngang nhau. Chỉ có cuộc giải-phóng vừa qua mới khó-khăn mà dân ta làm được. Ấy thật nhờ lòng yêu nước, trí sáng-suốt, kinh-nghiệm rộng, biết tùy thời, biết tri-chỉ của Bác Hồ mà ngày nay ta được độc-lập và thống-nhất. Tôi nghĩ rằng noi gương Bác, đạo-đức, ôn-hoà, trung-đung mà quả-quyết, thì kẻ lãnh-tụ dân ta sẽ chóng đem lại hai mục-tiêu chưa đạt: *hạnh-phúc* về kinh-tế và *tự-do* về tinh-thần. Thưa Bác, không kể hết những người Bác phải đề-cao thần-thế, chứ cần gì chú-ý đến tôi.

3*/ Nhưng Bác đã gửi bản cáo kia cho tôi, tôi phải đính-chỉnh một số điểm không đúng về phần cụ-thể. Tôi xin kê ra sau đây:

- 1.) Thời-diểm sinh, lí-trưởng làng khai không đúng với sự thực, thấy ở số Tử-vi: ngày 14/1/1908. Vì đã viết lầm vào "thẻ căn-cước" xưa thì không đổi được.
- 2.) Về quá-trình học trong nước thì như sau: lớp nhất tiểu-học tại trường Thanh-hoa, cùng lớp với bác-sĩ Phạm Ngọc-Thuận, con Phạm Ngọc-Tiêu giám-đốc trường. Trong bốn năm (1922-1926), học tiểu-trung-học ở "trường Quốc-học" Vinh, vào đợt thứ ba. Đợt đầu có Phạm Thiệu, Tôn Quang-Phật, Đặng Thai-Mai, Đinh



Văn-Tường; đợt thứ hai có Nguyễn Xiển. Về trung-học, tôi có vào lớp nhất trường Bưởi, nhưng chỉ mượn chỗ trú chân để cùng các anh Nguyễn Xiển, Nguyễn Văn-Đình, Nguyễn Văn-Tử, Nguyễn Khoa-Phong (đã bị "tội để tang Phan Chu-Trinh" phải nằm lại lớp) tự dọn học thi phần nhất "tứ-tài tây". Đến kì thi 1927, chúng tôi đều thi "tự-do" mà đậu, và cũng là những người đầu-tiên xứ Trung-kì đậu khoa cử mới. Vì vậy, các quan tỉnh Nghệ-an, trong đó có tổng-đốc Phạm Liệu tiến-sĩ quê Quảng-nam, án-sát Nguyễn Khắc-Niệm hoàng-giáp quê Hà-tĩnh, đã mừng chúng tôi một đôi câu đối trở thành lời sấm:

" *Hồng Lam chung dục, tự cố đa tài, diễm đạo tân khoa qui cựu phiệt*
Âu Á văn minh, chí kim đồng hoá, giao tương xích xí dẫn thanh niên"

(Hồng Lam nung đúc, từ trước nhiều tài, vui nói tân-khoa về cựu-tộc:
 Âu Á văn-minh, đến nay đồng hoá, hãy đem cờ đó dẫn thanh-niên)

Các Cụ đã mê-mải diễm-tích (Cờ đó đây trở tích Hán Cao-tổ) mà quên tụi mật-thám cho Pháp đang rình-mò bên cạnh.

Tôi vào trường li-xê Pháp, học đậu tứ-tài toán năm 1928.

Về phần học tại Pháp, bản cáo chép nhiều điểm sai. Chính-phủ Đông-dương, chú không phải hội Du-học Nam-triều, cấp cho tôi học-bổng để vào đại-học toán li-xê Saint Louis tại Paris, học thi vào các Trường Lớn. Năm 1930, tôi thi đậu vào trường Normale Supérieure và trường Polytechnique. Cạn nghĩ, tôi đã chọn vào trường sau. Lúc ra trường (1932), tôi vào trường Ponts et Chaussées, học hết khoá (1934). Vì là không Pháp-tích, tôi cũng biết không được quyền làm việc xúng-đáng ở nước nhà. Nhưng, nhân có tổ-chức du-lich sang Đông-dương, mùa hè năm 1934, tôi về nước thăm nhà và đi dò ý những bạn Pháp đồng-trường cầm đầu các sở hoả-xa, công-chánh trên thuộc-địa. Đồng-thanh họ khuyên đổi nghề. Vì vậy tôi trở lại Paris, thi lấy bằng cử-nhân toán (1935) rồi năm sau đậu bằng thạc-sĩ (1936) và được tuyển về dạy tại Trường Bưởi, bấy giờ đã đổi thành li-xê trung-học như những trường Tây. Tôi giữ chân giáo-học cho đến ngày Nhật phế chính-quyền Pháp tại Đông-dương. Sau bốn tháng giữ trách-nhiệm giáo-dục trong nội-các Trần Trọng-Kim, tổ-chức trung-học quốc-gia, rồi được tự-chuyên ngành khảo-cứu, ngoài những chức-trách chính-trị nhỏ, như dự Hội-nghị Dalat.

Theo ý muốn của Bác, tôi viết dài-dòng trả lời bức thư Bác. May chi các Bác thông-cảm cho. Tôi xin chúc các Bác luôn luôn khoẻ mạnh.

Hoàng Xuân Hân

HOÀNG Xuân-Hân

